

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 14- 7-2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN BÌNH - TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Kim Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đức và ông Trần Ngọc Thái

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Ngọc Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2023/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17/5/2023 và Thông báo mở lại phiên toà số: 12/2023/TB-TA ngày 27 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mai L, sinh năm 1992. vắng mặt.
- Bị đơn: Anh Hà Xuân Tr, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn TC, xã CN, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Xuân Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái vào ngày 30/11/2010. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là anh Tr đi làm xa và có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng không hợp nhau, xảy ra nhiều khúc mắc. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tr nữa chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Giữa chị và anh Hà Xuân Tr có 01 con chung là cháu Hà Trung Kiên, sinh ngày 04-8-2011 Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Kiên và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo hợp L các văn bản tố tụng cho anh Hà Xuân Tr, niêm yết tại địa phương nơi anh Tr sinh sống nhưng anh Tr không có mặt

và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Do vậy Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt của đương sự và tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại biên bản xác minh ngày 20/4/2023 tại địa phương nơi chị L và anh Tr sinh sống, thì địa phương cung cấp thông tin: Về thời gian, địa điểm và các điều kiện kết hôn như chị Nguyễn Thị Mai L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại địa phương bình thường, anh Tr hay đi làm ăn xa, sau đó cũng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, nay chị L có đơn xin ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Chị L và anh Tr chung là cháu Hà Trung Kiên, sinh ngày 04/8/2011. Nếu chị L và anh Tr ly hôn thì Đề nghị Toà án giải quyết theo qui định.

Về tài sản chung, nợ chung: Chính quyền địa phương không nắm rõ nên không cung cấp được thông tin.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái tại phiên tòa:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai L được ly hôn với bị đơn anh Hà Xuân Tr .

+ Về con chung: Giao cháu Hà Trung Kiên, sinh ngày 04/8/2011, cho chị Nguyễn Thị Mai L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi thay đổi theo qui định của pháp luật. Anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Hà Xuân Tr có hộ khẩu thường trú tại thôn TC, xã CN, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Bình.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được thông báo hợp L lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai L và anh Hà Xuân Tr kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái ngày 30/11/2010 Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị L xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập anh Tr nhiều lần, để giải quyết vụ án của hai vợ chồng nhưng anh Tr và đều vắng mặt không có lý do, qua xác minh tại nơi ở của chị L, anh Tr tại địa phương thì được cung cấp thông tin là hiện nay chị L và anh Tr ly thân từ năm 2022 đến nay, anh Tr hiện nay đi làm ăn xa không có mặt, thi thoảng mới về địa phương, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, do đó đề nghị ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai L đưa ra là có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh Tr đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị L được ly hôn với anh Tr.

[3] Về con chung: Chị L và anh Tr chung là Hà Trung Kiên, sinh ngày 04/8/2011. Hiện nay cháu đang ở với chị L. Xét nguyện vọng nuôi con chung của chị L Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con là quyền, đồng thời cũng là nghĩa vụ của cha mẹ. Để bảo đảm quyền lợi của cháu xét cần giao cháu Hà Trung Kiên, sinh ngày 04/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Mai L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật. Anh Hà Xuân Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Mai L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tại phiên toà đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở đúng pháp luật cần được chấp nhận

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai L được ly hôn anh Hà Xuân Tr.

2. Giao con chung là cháu: Hà Trung Kiên, sinh ngày 04/8/2011 cho chị Nguyễn Thị Mai L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi theo qui định của pháp luật.

Anh Hà Xuân Tr không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai số AA/2022/0000582 ngày 17-3-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Bình (Chị L đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Mai L và anh Hà Xuân Tr được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Tr hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 , 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái
- VKS ND huyện Yên Bình
- Chi cục THADS huyện Yên Bình.
- Các đương sự
- UBND xã CN.
- Lưu hs, TA

Đã ký

Hoàng Kim Sơn

